

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA THƯƠNG MẠI

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LẦN 1
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Quản trị chuỗi cung ứng và Logistics trong thương mại điện tử		
Mã học phần:	71SCMN40463	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	231_71SCMN40463_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Phân biệt các loại, chức năng của các nhà kho; tính toán được số lượng đặt hàng nhằm tối ưu chi phí tồn kho thông qua áp dụng các loại mô hình tồn kho phổ biến; và phân loại các điều kiện Incoterms.	TỰ LUẬN + TRẮC NGHIỆM				
CLO 2	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến dịch vụ khách hàng; ứng dụng của công nghệ thông tin; quy trình mua hàng theo chuẩn ISO.	TỰ LUẬN + TRẮC NGHIỆM				
CLO 4	Duy trì khả năng tự học suốt đời; đồng thời phát triển khả năng chịu áp lực và tinh thần trách nhiệm trong học tập và làm việc	TỰ LUẬN + TRẮC NGHIỆM				

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm

CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Ví dụ:

PHẦN TRẮC NGHIỆM (15 câu hỏi, 0.3 điểm/câu)

1. Thành Công là công ty vừa có đội tàu đánh bắt hải sản vừa có văn phòng tại Đà Nẵng. Công ty tự tổ chức tất cả hoạt động quản trị Logistics bao gồm quản trị vận tải, quản trị nhà kho và tồn kho, và xử lý đơn hàng. Như vậy, công ty đang triển khai hình thức Logistics nào?

A. LOGISTICS BÊN THỨ NHẤT

B. Logistics bên thứ hai

C. Logistics bên thứ ba

D. Logistics bên thứ tư

ANSWER: A

2. Hoạt động công khai minh bạch chính sách dịch vụ khách hàng thuộc giai đoạn giao dịch hàng hóa nào trong dịch vụ khách hàng?

A. GIAI ĐOẠN TRƯỚC GIAO DỊCH HÀNG HÓA

B. Giai đoạn trong giao dịch hàng hóa

C. Giai đoạn sau giao dịch hàng hóa

D. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

3. Thiết bị nhận dạng đối tượng bằng sóng vô tuyến là công nghệ gì?

A. RFID

B. EDI

C. GPS

D. Tất cả đều sai.

ANSWER: A

4. Kho nào dùng để chứa nguyên liệu, vật tư nhập khẩu đã được thông quan nhưng chưa nộp thuế để sản xuất hàng hóa xuất khẩu?

A. KHO BẢO THUẾ

B. Cross-docking

C. Kho công cộng

D. Kho ngoại quan

ANSWER: A

5. Phân loại theo hình thức Logistics gồm

A. 1PL, 2PL, 3PL, 4PL, 5PL

B. Logistics đầu vào, logistics đầu ra

C. Logistics đơn giản, logistics phức tạp

D. Logistics hàng tiêu dùng nhanh, logistics ngành ô tô, logistics hóa chất, logistics hàng điện tử, logistics dầu khí

ANSWER: A

6. Tồn kho an toàn dùng trong trường hợp nào?

A. BẤT ỔN CỦA NHÀ CUNG CẤP

B. Biến động giá cả

C. Tất cả đều đúng

D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

7. So sánh giữa RFID và mã vạch:

A. TỐC ĐỘ ĐỌC THẺ CỦA CÔNG NGHỆ RFID NHANH HƠN CÔNG NGHỆ MÃ VẠCH

B. Cả hai công nghệ đều có thể quét được nhiều thẻ cùng một lúc

C. Chi phí đầu tư của công nghệ mã vạch cao hơn công nghệ RFID.

D. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

8. Đặc điểm của mua hàng chiến lược là gì?

A. DUY TRÌ MỐI QUAN HỆ HỢP TÁC LÂU DÀI VỚI NHÀ CUNG CẤP

B. Thời gian giao hàng là yếu tố quan trọng nhất

C. Doanh nghiệp càng mua hàng từ nhiều nhà cung cấp thì càng tốt

D. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

9. Chuẩn EDI nào được dùng trong trao đổi dữ liệu điện tử của vận tải hàng không?

A. IATA CARGO-XML

B. SWIFT

C. HL7

D. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

10. Đặc điểm nổi bật của vận tải đường biển là:

A. VẬN CHUYỂN HÀNG CÓ KHỐI LƯỢNG VÀ THỂ TÍCH LỚN, RỦI RO TAI NẠN Ở MỨC ĐỘ TRUNG BÌNH, GIÁ THÀNH THẤP

B. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích nhỏ, rủi ro tai nạn ở mức độ thấp, giá thành cao nhất

C. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích lớn, rủi ro tai nạn ở mức độ rất thấp, giá thành cao nhất

D. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích nhỏ, rủi ro tai nạn ở mức độ thấp nhất, giá thành thấp.

ANSWER: A

11. Đặc điểm của nhóm C trong Incoterms 2000:

A. NGƯỜI BÁN CÓ NGHĨA VỤ THUÊ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

B. Người mua có nghĩa vụ thuê phương tiện vận tải

C. Áp dụng cho vận tải đường thủy

D. B và C đúng.

ANSWER: A

12. Đặc điểm nào không thuộc điều kiện DPU incoterm 2020

A. RỦI RO SẼ ĐƯỢC CHUYỂN GIAO TỪ BÊN BÁN SANG BÊN MUA NGAY KHI TÀU RỜI KHỎI CẢNG ĐI

B. Bên bán có trách nhiệm giao hàng đến địa điểm yêu cầu của bên mua

C. Bên bán có trách nhiệm dỡ hàng khỏi phương tiện vận chuyển tại điểm đến yêu cầu.

D. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

13. Hàng dự trữ nào dùng để phục vụ cho quá trình sản xuất, và đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong điều kiện bình thường đã được dự báo trước?

A. HÀNG DỰ TRỮ ĐỊNH KỲ

B. Hàng dự trữ trong quá trình vận chuyển

C. Hàng dự trữ dự phòng

D. Hàng dự trữ đầu cơ

ANSWER: A

14. Hiệu ứng roi chần bò (bullwhip) là gì?

A. HIỆN TƯỢNG SỐ LƯỢNG ĐẶT HÀNG BIẾN ĐỘNG MẠNH DỌC CHUỖI CUNG ỨNG.

B. Doanh nghiệp giao hàng không đúng yêu cầu

C. Hàng hóa bị hư hỏng trong quá trình lưu kho.

D. Không có đáp án đúng

ANSWER: A

15. Điều kiện áp dụng cho mọi phương thức vận tải trong Incoterms 2020 bao gồm:

A. CPT

B. FAS

C. FOB

D. Tất cả đều đúng.

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (5.5 điểm, hai câu)

Câu hỏi 1: (4 điểm)

Công ty TCI chuyên cung cấp thiết bị điện tử văn phòng. Nhu cầu hàng năm của công ty là 100.000 sản phẩm với chi phí đặt hàng 1 lần 15 USD/lần. Chi phí lưu kho là 0,2 USD/sản phẩm/năm. Công ty làm việc 240 ngày/năm. Thời gian chờ giao hàng từ nhà cung cấp là 3 ngày

- a) Tính lượng đặt hàng kinh tế EOQ. (0,75 điểm)
- b) Với EOQ vừa tìm được, một năm công ty đặt hàng bao nhiêu lần? (0,75 điểm)
- c) Tính theo ngày làm việc, bao lâu đặt hàng 1 lần? (0,75 điểm)
- d) Tính thời gian tái đặt hàng (ROP). (0,75 điểm)
- e) Tính tổng chi phí đặt hàng và tồn kho của nhà máy. (1 điểm)

Câu hỏi 2: (1.5 điểm)

Liệt kê các điều kiện incoterm 2020 chỉ áp dụng cho vận tải đường thủy (1 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		5.0	
Câu 1 – 20		0.25	
II. Tự luận		5.0	
Nội dung 1	<p><i>a. Công ty nên đặt hàng một lần bao nhiêu để đạt chi phí tối ưu (EOQ)?</i></p> $EOQ = \sqrt{2 \times S \times D / H} \quad (0,25đ)$ $= \sqrt{2 \times 100.000 \times 15 / 0.2} \quad (0,25đ)$ $= 3.872,98 \text{ sản phẩm} \quad (0,25đ)$ <p><i>b. Với EOQ vừa tìm được, công ty đặt hàng bao nhiêu lần một năm?</i></p> $\text{Số lần đặt hàng một năm} = D / EOQ \quad (0,25đ)$ $= 100.000 / 3.872,98 \quad (0,25đ)$ $= 25,82 \text{ lần} \quad (0,25đ)$ <p><i>c. Tính theo ngày làm việc, bao lâu đặt hàng 1 lần?</i></p> $\text{Khoảng cách thời gian giữa 2 lần đặt hàng} = \text{Số ngày làm việc} / \text{số lần đặt hàng} \quad (0,25đ)$ $= 240 / 25,82 \quad (0,25đ)$ $= 9,29 \text{ ngày} \quad (0,25đ)$ <p><i>d. Tính thời gian tái đặt hàng</i></p> $ROP = D / \text{số ngày làm việc} \times \text{thời gian chờ hàng} \quad (0,25đ)$ $= 100.000 / 240 \times 3 \quad (0,25đ)$ $= 1.250 \text{ sản phẩm} \quad (0,25đ)$ <p><i>e. Tính tổng chi phí bao gồm chi phí đặt hàng và chi phí lưu kho?</i></p> $\text{Tổng chi phí} = D \times S / EOQ + EOQ \times H / 2 \quad (0,25đ)$ $= (100.000 \times 15) / 3.872,98 + (3.872,98 \times 0,2) / 2 \quad (0,25đ)$ $= 387,29 + 387,29 \quad (0,25đ)$ $= 774,59 \text{ USD} \quad (0,25đ)$	4.0	
Nội dung 2	<p>Sinh viên phải trả lời đầy đủ các đáp án dưới đây. Thiếu 1 đáp án hoặc thêm 1 đáp án khác, trừ 0,4 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - FOB - FAS - CFR - CIF 	1.5	

	Trường hợp sinh viên ghi toàn bộ các điều kiện incoterm 2020 (11 điều kiện) thì chỉ được tối đa 0,25 điểm cho câu này.		
		Điểm tổng	10.0

Người duyệt đề

Th.S Nguyễn Việt Tịnh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2023

Giảng viên ra đề



ThS. Nguyễn Minh Đức